

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/DS-PT

Ngày 16-3-2023

V/v Tranh chấp đòi lại đất cho mượn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Danh Đại và ông Lê Văn Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tám – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 tháng 02 năm 2023 và ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp đòi lại đất cho mượn*”,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 91/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 68/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 08/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 01 năm 2023, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 28/TB-DS ngày 07-02-2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 05/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2023 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 60/TB-DS ngày 06-3-2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân T; địa chỉ: TDP T, phường Q, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt*.

Người bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn Q; địa chỉ: Chi nhánh Văn phòng Luật sư T, số 324 đường T, TDP 04, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt*.

- Bị đơn: Ông Đinh Hữu M và bà Lê Thị D; cùng địa chỉ: TDP 02, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị D: Ông Đinh Hữu M (theo văn bản ủy quyền ngày 29-01-2021) – *Có mặt*.

Người bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn

Thanh H; địa chỉ: Văn phòng Luật sư N, số 191 đường 23/3, TDP 02, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đinh Hữu D; địa chỉ: TDP 02, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – *Vắng mặt.*

2. Ông Nguyễn Quốc Th; địa chỉ: TDP 02, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quốc Th: Bà Nguyễn Thị Xuân T (theo văn bản ủy quyền ngày 03-9-2019) – Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Phạm Văn Nh; địa chỉ: Thôn 08, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt.*

2. Anh Phạm Văn B; địa chỉ: Thôn 08, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt.*

3. Ông Bùi Văn H; địa chỉ: Thôn 08, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt.*

4. Ông Nguyễn Xuân N; địa chỉ: Xã H, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt.*

5. Bà Nguyễn Thị K; địa chỉ: Số 235/8B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – *Vắng mặt.*

- *Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07-10-2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc Th) trình bày:

Năm 2004, bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Dương Đ thửa đất số 175, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại thôn N, thị trấn G, huyện Đắk Nông, tỉnh Đắk Lắk (*nay là tổ dân phố 02, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông*).

Năm 2010, bà cho ông Đinh Hữu M và Lê Thị D mượn diện tích đất khoảng 290m², ngang 10m, dài khoảng 26m, tứ cận: Phía Đông, phía Bắc và phía Nam giáp đất của bà; phía Tây giáp đường đất (*nay là đường bê tông*) để làm nhà tạm cho con đi học. Việc cho mượn không viết giấy tờ và không có ai chứng kiến (*vì trước đó bà có chuyển nhượng cho ông M, bà D thửa đất số 293, tờ bản đồ số 11, đối diện bên kia đường bê tông và ông M, bà D đã chuyển nhượng thửa đất này cho người khác*). Do bà ở xa nên năm 2013, ông M, bà D tiếp tục xây lũng, gỗ phía trên, lát sân, làm nền nhưng bà không biết, sau đó bà biết và hỏi ông M thì ông M nói vì nhà cũ hỏng nên phải làm lại cho con ở, khi nào bà có nhu cầu sử dụng lại thì ông M, bà D sẽ trả nên bà đồng ý cho ông M, bà D tiếp tục mượn. Đến năm 2018, bà yêu cầu ông M, bà D trả đất nhưng ông M, bà D không trả. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu ông M, bà D phải trả lại diện tích đất 297m² thuộc thửa đất số 175, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tổ dân phố 2, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông và tháo dỡ công trình trên đất.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đinh Hữu M (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị D) trình bày:

Năm 2007, ông nhận chuyển nhượng của bà T 01 thửa đất tọa lạc tại tổ dân phố 02, phường N, thị xã G (*nay là thành phố G*), tỉnh Đắk Nông, chiều rộng 10m, dài khoảng 40m, có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Đ; phía Tây giáp đường đất (*nay là đường bê tông*); phía Nam giáp ông H (*nhận chuyển nhượng của bà T*); phía Bắc giáp đất ông Q (*nhận chuyển nhượng của bà T*), bao gồm cả phần diện tích đất bà T đang tranh chấp. Khi nhận chuyển nhượng có mặt bà T, ông và ông H, các bên có đến thực địa đất, bà T đóng cọc chỉ ranh mốc cho ông. Hai bên chỉ viết giấy tay, phần đất ông nhận chuyển nhượng của bà T thuộc một phần thửa đất số 175, tờ bản đồ số 11 đứng tên bà T, do bà T không chịu đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt là GCNQSDĐ*) nên hiện nay vẫn chưa tách thửa được. Bà T là người trực tiếp viết sang nhượng cho ông và đưa cho ông một bản gốc.

Tại thời điểm nhận chuyển nhượng là đất trống. Đến năm 2012, ông xây nhà trên đất, khi xây nhà có ông Th là chồng bà T đến làm giúp. Gia đình ông sử dụng đất ổn định đến năm 2019 do nhà hỏng, xuống cấp nên làm lại nhà và bị thất lạc giấy tờ mua bán viết tay.

Sau khi nhận chuyển nhượng, bà T và ông Th đã chỉ mốc giới tứ cận thửa đất cho ông. Sau đó, ông đổ đất chỗ trống hết 90 xe đất và trồng cây vôi, cây bơ, cây cau và một số cây khác. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông trả lại đất là không có căn cứ, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đình Hữu D trình bày:

Khoảng năm 2007, ông M là em trai của ông có nhận chuyển nhượng một thửa đất của bà T, ông Th. Ông khẳng định bản thân ông không nhận chuyển nhượng đất của bà T. Khi ông M nhận chuyển nhượng của bà T có gọi ông ra xem đất. Diện tích đất là 10m chiều ngang và dài hết đất với giá 6.000.000đồng/1m ngang; có tứ cận: Phía Đông không nhớ giáp đất của ai, phía Tây giáp đường đất (*nay là đường bê tông*), phía Nam giáp đất ông H, phía Bắc giáp đất ông Q. Hai bên có viết giấy tờ tay với nhau, bà T là người viết, giấy tờ này ông M giữ và đã làm mất. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng, ông có cho ông M 10.000.000 đồng và ông trả luôn cho bà T. Sau khi giao 10.000.000 đồng, hai bên có đóng cọc mốc giới. Năm 2010, ông M trả hết số tiền còn lại cho bà T. Năm 2013, ông M tiếp tục làm nhà xây lửng trên đất đã nhận chuyển nhượng của bà T.

Quá trình giải quyết vụ án, những người làm chứng trình bày:

- **Anh Phạm Văn Nh:** Khoảng năm 2007, anh nghe ông Th, bà T nói chuyển nhượng cho ông M thửa đất 10m ngang giáp đường đất và chạy dài hết đất. Sau đó ông Th, bà T, ông M và anh có ra thực địa xem đất. Mục đích ông Th, bà T dẫn anh ra thực địa là để anh nhận chuyển nhượng phần đất còn lại của ông Th, bà T. Ông Th, bà T chỉ rõ đất chuẩn bị chuyển nhượng cho ông M là 10m ngang từ phần đất đã có nhà xây lửng chạy theo đường đất hết phía sau rẫy. Sau đó ông M có nhận chuyển nhượng hay không thì anh không biết, bản thân anh không nhận chuyển nhượng phần đất nào của bà T. Năm 2010, anh được ông M nhờ đến dựng nhà cho ông M, phần đất dựng nhà là phía trên giáp đường đi, tại thời điểm dựng nhà có ông Th, bà T đến làm giúp và không có ý kiến gì.

- **Anh Phạm Văn B:** Năm 2010, anh có giúp ông M dựng 01 căn nhà trên thửa đất giáp đường đi (*nhà xây lửng thương gổ*), khi dựng nhà có mặt ông Th, bà T và ông Th, bà T không có ý kiến gì. Tại thời điểm dựng nhà, anh được ông Th nói là chuyển nhượng cho ông M 10m chạy dài theo mép đường đất.

- **Ông Bùi Văn Văn H:** Năm 2007, ông và ông M có nhận chuyển nhượng thửa đất rẫy của bà T, cụ thể: Ông M nhận chuyển nhượng 01 thửa đất rẫy diện tích 10m ngang giáp đường đất chạy dài hết rẫy (*lúc đó không đo chiều dài vì đất rậm rạp, chỉ thống nhất chiều dài chạy hết rẫy, giáp ai ông không rõ*). Tại thực địa thửa đất có mặt ông, bà T và ông M. Bà T có chỉ mốc giới cụ thể của ông M 10m ngang, sau đó đến đất của ông, bà T chỉ nói phía trên 10m ngang, dưới 10m ngang chạy dài hết đất từ trên xuống dưới và cắm mốc tứ cận cụ thể. Việc giao tiền, viết giấy tờ giữa bà T với ông M như thế nào thì ông không biết. Đối với thửa đất của ông khi nhận chuyển nhượng của bà T là 05m ngang, hai bên có viết giấy tờ tay, có tứ cận: Phía Đông giáp đất nhà ông V; phía Tây giáp đường đất (*nay là đường bê tông*); phía Bắc giáp đất ông M; phía Nam giáp đất của Cậu N (*theo giấy mua bán bà T viết*). Cùng năm 2007 ông và ông M đổ đất san lấp mặt bằng đối với 02 thửa đất đã nhận chuyển nhượng của bà T. Năm 2012 ông nhận chuyển nhượng thêm của bà T 01m ngang, dài hết đất nên lập giấy thỏa thuận khác trả thêm 7.000.000 đồng.

- **Ông Nguyễn Xuân N:** Diện tích đất khoảng 290m² thuộc một phần thửa đất số 175, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại tổ dân phố 02, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông, có tứ cận: Phía Đông giáp vườn tiêu của bà T, khi đó chưa chuyển nhượng cho ông D (*nay giáp đất ông D*); phía Tây giáp đường đất (*nay là đường bê tông*); phía Nam giáp hồ nước (*nay giáp đất ông H*); phía Bắc giáp nhà ông Q. Năm 2006, ông mượn đất của bà T để làm chòi nuôi cá, đến năm 2007 bà T chuyển nhượng cho ông D một phần đất phía sau vườn tiêu diện tích khoảng (10x18)m có tứ cận: Một bên giáp đất ông mượn, bên kia giáp vị trí nhà ông V và ông Đ. Bà T đổi đất cho ông Đ để ông D làm đường đi ra hội trường thôn, cùng năm đó bà T chuyển nhượng cho ông H lô phía sau giáp với ông D (5x20)m, đến năm 2012 bà T chuyển nhượng thêm cho ông H (6x30)m ở phía trước giáp đường, sát với diện tích đất ông mượn của bà T. Sau khi chuyển nhượng cho ông D phía sau và chuyển nhượng cho ông H hai đợt lô phía sau và phía trước giáp đường thì diện tích khoảng 290m² của bà T ông vẫn mượn để làm chòi ở tạm nuôi cá. Đến năm 2010 ông M biết ông trả đất lại cho bà T nên đến mượn đất của bà T để làm nhà ở tạm cho con đi học và tiện việc trông coi làm nhà trọ phía sau cho ông D.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2022/DS-ST ngày 21-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc ông M và bà D trả lại diện tích đất 297m² và tháo dỡ công trình trên đất.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04-10-2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc vợ chồng ông M phải dỡ nhà để trả lại 297m² đất cho gia đình bà T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, hủy bản án bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Ý kiến của người bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Xuân T nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét nội dung giải quyết và yêu cầu kháng cáo:

[2.1]. Theo đơn khởi kiện, bà T yêu cầu Tòa án buộc ông M phải trả lại diện tích đất 290m² là một phần trong diện tích đất 2.931m², thửa đất số 175, tờ bản đồ số 11 tại vị trí có 01 cạnh giáp đường bê tông, trên đất có căn nhà ông M đang quản lý, sử dụng. Bà T cho rằng diện tích đất này bà T cho ông M mượn để làm nhà ở cho con đi học vào năm 2010, hai bên chỉ nói miệng với nhau không viết giấy tờ gì. Ông M cho rằng diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc do ông nhận chuyển nhượng của vợ chồng bà T, ông Th vào năm 2007 và đã làm nhà trọ, nhà ở trên đất từ 2007 đến nay, việc chuyển nhượng có lập hợp đồng nhưng đã bị thất lạc. Bà T xác định trong toàn bộ diện tích đất hiện nay ông M đang quản lý, sử dụng có ½ diện tích đất nằm ở vị trí phía sau, trên đất có nhà trọ (giáp đất ông V và ông Đ) bà có viết giấy chuyển nhượng cho ông D (là anh trai của ông M) năm 2007, giá chuyển nhượng là 40.000.000 đồng, ông D đã trả 10.000.000 đồng, sau ba năm ông M trả cho bà số tiền còn lại 30.000.000 đồng (BL 15); ông D thừa nhận ông là người giao số tiền 10.000.000 đồng cho bà T nhưng số tiền này ông cho ông M để trả tiền nhận chuyển nhượng đất của bà T, ông xác định diện tích đất bà T chuyển nhượng cho ông M có cạnh giáp đường rộng 10m, chiều dài hết đất bà T, việc chuyển nhượng hai bên có viết giấy sang nhượng giữa bà T với ông M.

[2.2]. Với các tài liệu, chứng cứ và các tình tiết nêu trên có cơ sở xác định toàn bộ diện tích đất hiện nay ông M đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc là một phần diện tích đất 2.931m², thửa đất số 175, tờ bản đồ số 11 của bà T được cấp GCNQSDĐ số X ngày 04-3-2005, cấp đổi lại GCNQSDĐ số Y, thửa đất số 175, tờ bản đồ số 11, diện tích 2.931m² vào ngày 26-7-2013. Ông M không thừa nhận có mượn đất của bà T và cho rằng do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà T. Như vậy, trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập, Tòa án phải đánh giá chứng cứ xác định sự thật khách quan của vụ án, bà T chuyển nhượng cho ông M hay chuyển nhượng cho ông D? chuyển nhượng diện tích bao nhiêu? Cấp sơ thẩm phải giải thích cho ông M biết để thực hiện quyền phản tố yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên để giải quyết trong cùng vụ án mới đảm bảo toàn diện, triệt để và chính xác.

Trường hợp đã lập biên bản giải thích mà bị đơn vẫn từ chối, không yêu cầu phản tố thì Tòa án sẽ căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án mới đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

[2.3]. Trong vụ án này, mặc dù ông M không thừa nhận có việc mượn đất của bà T nhưng thực tế diện tích đất ông M đang quản lý, sử dụng là đất của bà T đã được cấp GCNQSDĐ. Theo quy định của pháp luật đất đai và Bộ luật Dân sự thì bà T là người sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất ông M đang quản lý, sử dụng, trừ trường hợp bà T đã chuyển quyền sử dụng đất cho ông M theo quy định của pháp luật. Do vậy, việc cấp sơ thẩm tuyên bác yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng chưa tuyên công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T với ông M theo lời trình bày của ông M có hiệu lực theo quy định của pháp luật là không đúng, có sai lầm trong việc đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật; bản án không thể thi hành được. Bởi, về mặt pháp lý bà T vẫn là người sử dụng đất hợp pháp theo GCNQSDĐ do cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền cấp do bà T nhận chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[2.4]. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án bà T thừa nhận có chuyển nhượng một phần trong diện tích 2.931m², thửa đất số 175 cho nhiều người, trong đó có D Dân. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định rõ phần diện tích đất ông M (*em ông D*) đang quản lý, sử dụng nằm vị trí nào của thửa đất số 175.

[3]. Từ những vấn đề nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc thu thập chứng cứ chưa thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được và có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng quyền lợi của các đương sự nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3.1]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận; xét quan điểm đề nghị của người bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3.2]. Về số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản mà đương sự đã nộp sẽ được xem xét, quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2022/DS-ST ngày 21-9-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản mà đương sự đã nộp sẽ được xem xét, quyết định khi Tòa án giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Xuân T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Xuân T số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số Z ngày 13-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND thành phố Gia Nghĩa;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố G;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Anh Ứng